

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 271/2025/DS-PT

Ngày: 24 - 4 - 2025

V/v tranh chấp “Quyền sử dụng
đất; Quyền về lối đi qua bất
động sản liền kề”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Việt Trung**

Các Thẩm phán: Ông **Võ Thanh Bình**

Ông **Lê Thanh Vân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thắm** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp “Quyền sử dụng đất; Quyền về lối đi qua bất động sản liền kề”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 160/2024/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 64/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Ngọc H**, sinh năm 1966; (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền:

+ Chị **Nguyễn Thùy Song T**, sinh năm 2000. (có mặt)

Địa chỉ: D N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Chị **Trần Thị Lệ T1**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 26/02/2025).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp*: Luật sư **Nguyễn Văn T2**, Văn phòng L1, Đoàn Luật sư Thành phố H.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Trần Thanh H1**, sinh năm 1961. (có mặt)

Địa chỉ: A, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: 73/6, Đặng Văn B, khu phố A, phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người đại diện theo ủy quyền của H1*: Bà **Trần Thị Kim E**, sinh năm 1968. (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 22/3/2025)

2.2. Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1974.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông S*: Chị **Huỳnh Thị Trúc L**, sinh năm 1980. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1966. (có đơn xin vắng mặt)

3.2. Anh **Nguyễn Di T3**, sinh năm 1991. (có đơn xin vắng mặt)

3.3. Chị **Nguyễn Thị Kiều T4**, sinh năm 1995. (có đơn xin vắng mặt)

3.4. Cháu **Nguyễn Hoàng Châu T5**, sinh năm 2020.

3.5. Cháu **Nguyễn Hoàng Đức T6**, sinh năm 2021.

- *Người đại diện theo pháp luật của cháu T5, cháu T6*: Anh **Nguyễn Di T3**, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.6. Ông **Trần Văn P**, sinh năm 1947.

Địa chỉ: 2, đường C cư xá T, phường D, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo ủy quyền*:

+ Chị **Nguyễn Thùy Song T**, sinh năm 2000. (có mặt);

Địa chỉ: D N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Chị **Trần Thị Lệ T1**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 26/02/2025).

3.7. Bà **Trần Thị Ngọc H2**, sinh năm 1964. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3.8. Anh **Trần Hùng Duy M**, sinh năm 1988. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số F, H, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3.9. Bà **Nguyễn Thị P1**, sinh năm 1959. (có đơn xin vắng mặt)

3.10. Anh **Trần Phước D1**, sinh năm 1992. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 7, khu phố A, phường E, Đường Đ, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3.11. Chị **Huỳnh Thị Trúc L**, sinh năm 1980. (có mặt)

3.12. Chị **Nguyễn Thị Cẩm T7**, sinh năm 2000. (có đơn xin vắng mặt)

3.13. Cháu **Nguyễn Thị Cẩm T8**, sinh năm 2008.

- *Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Thị Cẩm T8*: Chị **Huỳnh Thị Trúc L**, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn **Trần Thị Ngọc H**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

** Nguyên đơn Trần Thị Ngọc H trình bày:*

Bà Trần Thị Ngọc H và ông Trần Thanh H1 là anh em ruột, cha là cụ Trần Văn H3, sinh năm 1920 (chết năm 2015), ông H3 có thửa đất số 853A, diện tích khoảng 7000m², tọa lạc ấp B, xã C. Năm 1986 cụ H3 có cho ông H1, bà H2 và bà H mỗi người diện tích 1500m², phần còn lại cụ H3 để lại cho bà Trần Thị H4 do bà H4 bị bệnh tâm thần nên sau này ai nuôi bà H4 thì sẽ được hưởng phần đất này. Đối với phần bà H được hưởng thì bà đã quản lý từ năm 1986 nhưng chưa tách thửa sang tên, riêng phần bà H2 thì bà không nhận nên ông H1 quản lý sử dụng. Hiện ông H1 đã làm thủ tục tách thửa 853A ra làm nhiều thửa nhỏ, phần đất bà H đang quản lý cất nhà ở là thửa 217 diện tích 4451,2m², các thửa đất ông H1 tách ra đều do ông H1 đứng tên mà không cất ra cho bà H. Nay bà H có yêu cầu:

- Công nhận quyền sử dụng đất bà Trần Thị Ngọc H được cha mẹ tặng cho diện tích 1506,6m² nằm trong thửa 217, tờ bản đồ số 19, diện tích 4451,2m² tọa lạc ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang hiện do ông Trần Thanh H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc quyền quản lý sử dụng hợp pháp của bà H.

- Yêu cầu ông Nguyễn Văn S mở lối đi cho bà H diện tích khoảng 198,5m², ngang 1,2m, dài khoảng 37m nằm trong thửa đất số 216, tờ bản đồ số 19, diện tích 2719,3m² tọa lạc ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Nguyễn Văn S đứng tên. Vì đây là lối đi gia đình bà H chừa lại để đi vào đất của bà H trước khi chuyển nhượng cho ông S.

** Bị đơn ông Trần Thanh H1 có đại diện theo ủy quyền là ông Tăng Văn H5 trình bày:*

Khi còn sống ba ông H1 có lập hợp đồng tặng cho ông H1 thửa đất 217 diện tích 4.451,2m² sau khi được tặng cho đất ông H1 đã lập thủ tục và được đứng tên đối với thửa đất này. Liên kề với thửa đất 217 của ông H1 là thửa 216 của bà H cũng được ba ông H1 tặng cho sau đó bà H chuyển nhượng thửa đất này lại cho ông Nguyễn Văn S và đi nơi khác làm ăn, sau đó do làm ăn thất bại nên quay về và thấy bà H không có đất sinh sống nên ông H1 có cho bà H ở nhờ trên thửa đất 217 của ông H1 diện tích khoảng 400m². Ông H1 không hiểu lý do vì sao bà H khởi kiện yêu cầu ông H1 phải công nhận cho bà H diện tích 1500m² này nằm trong thửa 217 của ông H1 nên yêu cầu khởi kiện của bà H ông H1 không đồng ý. Đồng thời ông H1 có yêu cầu phản tố, yêu cầu bà H cùng thành viên hộ gia đình di dời nhà trả lại phần đất có diện tích theo bản đồ đo đạc thực tế là 4441,6m² cho ông Trần Thanh H1 thuộc thửa 217, tờ bản đồ số 19, tọa lạc ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang

** Bị đơn Nguyễn Văn S có đại diện theo ủy quyền là chị Huỳnh Thị Trúc L trình bày:*

Khi vợ chồng chị nhận chuyển nhượng thửa 216 của bà Trần Thị Ngọc H thì bà H có yêu cầu vợ chồng chị chừa lại cho bà H 01 lối đi để đi vào nhà, lúc đó vợ chồng chị có hứa miệng sẽ cho bà H đi nhờ chứ không hứa sẽ mở lối đi theo yêu cầu của bà H. Nay bà H khởi kiện mở lối đi ngang 1,2m, dài khoảng 37 m² trên thửa 216 của vợ chồng chị, vợ chồng chị đồng ý mở với điều kiện bà H phải trả tiền giá trị đất theo giá thị trường là 100.000.000đ/mét ngang.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chung hộ ông H1 là Nguyễn Thị P1, Trần Phước D1, Trần Hùng Duy M thống nhất ý kiến của ông Trần Thanh H1.*

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chung hộ bà H là Nguyễn Văn D, Nguyễn Di T3, Nguyễn Thị Kiều T4 thống nhất ý kiến bà Trần Thị Ngọc H.*

* Bản án dân sự sơ thẩm số 160/2024/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 2, 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 165, 166, 227, 228, khoản 2 Điều 244, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 245, 246, 247, 248, 254, 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 166, 171 Luật Đất đai và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H.

1.1/ Ghi nhận sự tự nguyện ông Trần Thanh H1 giao cho bà Trần Thị Ngọc H phần đất (trên đất có căn nhà của bà H) diện tích 316,7m² nằm trong thửa 217, tờ bản đồ số 19, tọa lạc ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vị trí số (8) tại bản đồ địa chính khu đất trích đo của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, phần đất có tứ cận như sau:

- Bắc giáp phần đất mở lối đi trên thửa 216 của ông Nguyễn Văn S
- Nam giáp phần đất còn lại nằm trong thửa 217 của ông Trần Thanh H1
- Đông giáp phần đất còn lại nằm trong thửa 217 của ông Trần Thanh H1
- Tây giáp phần đất còn lại nằm trong thửa 217 của ông Trần Thanh H1

1.2/ Buộc hộ ông Nguyễn Văn S, bà Huỳnh Thị Trúc L, chị Nguyễn Thị Cẩm T7, Nguyễn Thị Cẩm T8 phải mở lối đi có diện tích 149,7m² nằm trên thửa đất 216, tờ bản đồ số 19, tọa lạc ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang của hộ ông Nguyễn Văn S (vị trí số (1) và (3) tại bản đồ địa chính khu đất trích đo) cho bà Trần Thị Ngọc H, phần lối đi được mở có tứ cận như sau:

- Bắc giáp đường đá chiều ngang 1,2m;
- Tây giáp thửa 202 của ông Trần Thanh H1 cạnh dài (37,04m + 7,08m);
- Đông giáp phần đất còn lại thửa 216 của ông Nguyễn Văn S;
- Nam giáp phần đất ông H1 đồng ý giao bà H quản lý sử dụng thuộc thửa 317 của ông Trần Thanh H1.

(Đính kèm bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 05/9/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C)

Buộc bà Trần Thị Ngọc H phải hoàn trả giá trị phần đất làm lối đi cho hộ ông Nguyễn Văn S là 80.987.700đ (Tám mươi triệu chín trăm tám mươi bảy ngàn bảy trăm đồng). Thực hiện việc trả tiền và mở lối đi ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Trần Thị Ngọc H được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất được ông H1 giao lại và lối đi bà H được mở.

Kể từ ngày người được quyền yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị yêu cầu chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông Trần Thanh H1 về yêu cầu bà H di dời nhà, tài sản trả lại thửa đất 217 cho ông Trần Thanh H1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 23 tháng 9 năm 2024, nguyên đơn Trần Thị Ngọc H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm buộc ông H1 trả toàn bộ diện tích 1.506,6m² nằm trong thửa 217, tờ bản đồ số 19 cho bà; Bà H không đồng ý trả giá trị lỗi đi với số tiền 80.987.000 đồng cho ông S.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà H rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc không đồng ý trả giá trị lỗi đi với số tiền 80.987.000 đồng cho ông S. Bị đơn ông H1 tự nguyện giao cho bà H phần diện tích đất 1.506,6m² nằm trong thửa 217 tại các vị trí số 7, 8, 9, 10 theo bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 05/9/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, phần diện tích đất còn lại trong thửa 217 thuộc quyền sử dụng của ông H1, ông sẽ tự tháo dỡ phần nhà kho trên đất để giao đất cho bà H; đại diện theo ủy quyền của ông P1 trình bày nếu ông H1 đồng ý giao cho bà H diện tích 1.506,6m² thì đất còn lại trong thửa 217 sẽ thuộc quyền sử dụng của ông H1, ông P1 sẽ rút đơn yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất mà ông đang khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ngọc H2 có ý kiến đồng ý với sự thỏa thuận của ông H1, bà H và ý kiến của ông P1.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà H về việc không đồng ý trả giá trị lỗi đi với số tiền 80.987.000 đồng cho ông S

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và xác định người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Bà Trần Thị Ngọc H nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm theo các Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc H, yêu cầu cấp phúc thẩm buộc ông H1 trả toàn bộ diện tích 1.506,6m² nằm trong thửa 217, tờ bản đồ số 19 cho bà; Bà H không đồng ý trả giá trị lỗi đi với số tiền 80.987.000 đồng cho ông S, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là ông Trần Thanh H1 đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc H. Ông H1 tự nguyện giao cho bà H phần

đất diện tích 1.506,6m² nằm trong thửa 217 tại các vị trí số 7, 8, 9, 10 theo bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 05/9/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, phần đất còn lại của thửa 217 sẽ thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông H1. Xét thấy, sự thỏa thuận của các bên là tự nguyện, không bị ép buộc, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu bà Trần Thị Ngọc H rút yêu cầu kháng cáo về việc không đồng ý trả giá trị lỗi đi với số tiền 80.987.000 đồng cho ông S, xét thấy việc rút kháng cáo của bà H là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo này của bà H.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên bà Trần Thị Ngọc H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 3 Điều 289, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc H về việc không đồng ý trả giá trị lỗi đi với số tiền 80.987.000 đồng cho ông Nguyễn Văn S.

- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 160/2024/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 2, 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 165, 166, 227, 228, khoản 2 Điều 244, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 245, 246, 247, 248, 254, 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 166, 171 Luật Đất đai và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Ghi nhận sự tự nguyện ông Trần Thanh H1 giao cho bà Trần Thị Ngọc H phần đất (trên đất có căn nhà của bà H) diện tích 1.506,6m² nằm trong thửa 217, tờ bản đồ số 19, tọa lạc ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vị trí số 7,8,9,10) tại bản đồ địa chính khu đất trích đo của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C. (có sơ đồ kèm theo)

1.2. Phần diện tích đất còn lại nằm trong thửa 217, tờ bản đồ số 19, tọa lạc ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (trừ vị trí số 7,8,9,10 giao cho bà H) tại bản đồ địa chính khu đất trích đo của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai

huyện C thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Trần Thanh H1. (có sơ đồ kèm theo).

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Ngọc H.

2.1/ Buộc hộ ông Nguyễn Văn S, bà Huỳnh Thị Trúc L, chị Nguyễn Thị Cẩm T7, Nguyễn Thị Cẩm T8 phải mở lối đi có diện tích 149,7m² nằm trên thửa đất 216, tờ bản đồ số 19, tọa lạc ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang của hộ ông Nguyễn Văn S (vị trí số (1) và (3) tại bản đồ địa chính khu đất trích đo) cho bà Trần Thị Ngọc H, phần lối đi được mở có tứ cận như sau:

- Bắc giáp đường đá chiều ngang 1,2m;
- Tây giáp thửa 202 của ông Trần Thanh H1 cạnh dài (37,04m + 7,08m);
- Đông giáp phần đất còn lại thửa 216 của ông Nguyễn Văn S;
- Nam giáp phần đất ông H1 đồng ý giao bà H quản lý sử dụng thuộc thửa 317 của ông Trần Thanh H1.

(Đính kèm bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 05/9/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C)

Buộc bà Trần Thị Ngọc H phải hoàn trả giá trị phần đất làm lối đi cho hộ ông Nguyễn Văn S là 80.987.700đ (Tám mươi triệu chín trăm tám mươi bảy ngàn bảy trăm đồng). Thực hiện việc trả tiền và mở lối đi ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Trần Thị Ngọc H được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất được ông H1 giao lại và lối đi bà H được mở.

Kể từ ngày người được quyền yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị yêu cầu chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3/ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông Trần Thanh H1 về yêu cầu bà H di dời nhà, tài sản trả lại thửa đất 217 cho ông Trần Thanh H1.

4/ Về án phí: Bà H phải chịu 4.049.000đ án phí hoàn giá trị đất mở lối đi và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Bà H đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018112, ngày 20/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, cần trừ nên còn phải nộp tiếp 4.049.000đ.

- Bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H6 lại bà Trần Thị Ngọc H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016845 ngày 24/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Thẩm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Trung